

Số: **38** /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày **01** tháng **03** năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện Lục Ngạn về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020, UBND huyện Lục Ngạn xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2019, như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019; kiểm tra việc thụ hưởng chính sách giảm nghèo của nhóm đối tượng người nghèo, hộ nghèo như: tín dụng ưu đãi cho người nghèo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, trợ giúp pháp lý... để đánh giá những thuận lợi, khó khăn, đề ra các giải pháp nhằm thực hiện, hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.

##### 2. Yêu cầu

Kiểm tra, giám sát, đánh giá phải nghiêm túc, chính xác, bám sát quy định tại khoản 3, Điều 5, Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH; đánh giá kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, nguyên nhân của hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách.

#### II. NỘI DUNG KIỂM TRA

##### 1. Công tác chỉ đạo, triển khai

- Việc xây dựng, ban hành kế hoạch và các văn bản chỉ đạo triển khai, hướng dẫn thực hiện chương trình giảm nghèo.
- Công tác chỉ đạo, điều hành của cấp xã trong tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của của tỉnh, huyện về chương trình giảm nghèo; công tác quản lý nguồn vốn, sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể ở địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Các hoạt động tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo; công tác thông tin tuyên truyền về chương trình giảm nghèo (nêu rõ hình thức, đối tượng tuyên truyền).
- Công tác kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo.

##### 2. Kết quả thực hiện

- Kết quả triển khai thực hiện năm 2019 về các chính sách, dự án, mô hình giảm nghèo; dạy nghề, giải quyết việc làm; vay vốn ưu đãi; hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt...

- Tiến độ thực hiện các dự án, chính sách, chương trình hỗ trợ giảm nghèo theo mục tiêu, đối tượng, nguồn vốn từng dự án, chính sách, chương trình hỗ trợ giảm nghèo tại địa phương.

- Mức độ tham gia và hưởng lợi của người dân tại xã và các thôn trên địa bàn xã (nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số...) trong xây dựng và thực hiện các hoạt động của kế hoạch.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của các xã.

- Đánh giá những ưu điểm, hạn chế; những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện; giải pháp thực hiện năm 2020.

### **III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**

#### **1. Đối tượng kiểm tra, giám sát, đánh giá**

UBND các xã, thị trấn và các đối tượng thụ hưởng chính sách.

#### **2. Phương pháp kiểm tra, giám sát, đánh giá**

- Ban Chỉ đạo giảm nghèo huyện thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát.

- Đoàn kiểm tra nghe đơn vị báo cáo về tình hình, kết quả công tác giảm nghèo năm 2019.

- Tiếp xúc, tham vấn trực tiếp cán bộ xã, thôn về công tác triển khai và hiệu quả thực hiện chương trình giảm nghèo tại cơ sở.

- Tham vấn hộ dân với tư cách là đối tượng thụ hưởng, tham gia thực hiện kế hoạch để đánh giá mức độ tiếp cận và thụ hưởng các chính sách, dự án.

- Kiểm tra các công trình xây dựng hạ tầng, các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, các điểm nhân rộng mô hình giảm nghèo và điểm truyền thông tại cơ sở.

- Thành viên đoàn kiểm tra, giám sát tham gia ý kiến, giải đáp những khó khăn, vướng mắc.

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

### **IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

#### **1. Thời gian kiểm tra, giám sát**

Kiểm tra, giám sát 01 ngày/xã; thời gian kiểm tra, giám sát cụ thể do Trưởng đoàn thống nhất với các thành viên trong đoàn và chủ động thông báo cho các xã trước khi tiến hành kiểm tra, giám sát ít nhất 05 ngày.

#### **2. Địa điểm kiểm tra, giám sát**

Tại UBND các xã, các thôn và các hộ dân được thụ hưởng chính sách.

**3. Thành phần các đoàn kiểm tra, giám sát:** có danh sách các đoàn kiểm tra, giám sát kèm theo.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phòng Lao động - TB&XH tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2019; tổng hợp kết quả của các đoàn, báo cáo UBND huyện và Sở Lao động - TB&XH tỉnh theo quy định.

2. Trưởng các đoàn kiểm tra, giám sát phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, giám sát báo cáo kết quả bằng văn bản và kèm theo biên bản kiểm tra, giám sát về cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Phòng Lao động- TB&XH) để tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định.

3. UBND các xã, thị trấn được kiểm tra, giám sát: căn cứ Kế hoạch này chuẩn bị nội dung báo cáo gửi về Phòng Lao động- TB&XH huyện để tổng hợp; triệu tập thành phần và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; mời đại diện các hộ dân tại các thôn là đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng chính sách làm việc với đoàn kiểm tra, giám sát.

*(có đề cương báo cáo kèm theo)*

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2019. Yêu cầu các thành viên Ban Chỉ đạo huyện, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

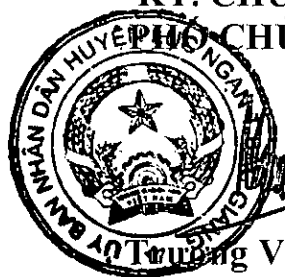
**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, LĐTBXH.

**Bản điện tử:**

- Sở Lao động - TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (B/c);
- Các thành viên Đoàn kiểm tra;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH**



**Trưởng Văn Năm**

## DANH SÁCH

Thành viên Đoàn kiểm tra, giám sát  
được kiểm tra, giám sát năm 2019  
(kèm theo Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 01/3/2019 của UBND huyện)



Thời gian	Các đơn vị được kiểm tra	Thành phần Đoàn kiểm tra
Tháng 3/2019	Biên Sơn, Kiên Lao, Sơn Hải	1. Ông Trương Văn Năm - Phó Chủ tịch UBND huyện - Trưởng đoàn;
Tháng 4/2019	Đèo Gia, Tân Lập, Giáp Sơn	2. Ông Nguyễn Mạnh Hà - Trưởng phòng Lao động - TB&XH - Phó Trưởng đoàn;
Tháng 5/2019	Biển Động, Phú Nhuận	3. Tăng Văn Huy - Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT - Thành viên;
Tháng 8/2019	Cắm Sơn, Hộ Đáp, Tân Sơn	4. Ông Hoàng Văn Oanh - Trưởng phòng Dân tộc - Thành viên;
Tháng 9/2019	Kim Sơn, Tân Hoa	5. Bà Hoàng Thị Tuấn - Trưởng Phòng Y tế - Thành viên;
Tháng 10/2019	Kiên Thành, Tân Mộc, Thanh Hải	6. Bà Tạ Thị Quý - Phó Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện - Thành viên;
Tháng 11/2019	Phong Minh, Phong Vân, Sa Lý,	7. Ông Vũ Trí Bằng - Phó Trưởng phòng Lao động - TB&XH - Thành viên;
		8. Ông Diệp Văn Phú - Chuyên viên Phòng Lao động - TB&XH - Thư ký.
		9. Thành viên Ban Giám nghèo huyện được phân công phụ trách xã.



**Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách về giảm nghèo năm 2019**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình;
- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, DỰ ÁN GIẢM NGHÈO**

**1. Kết quả thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo**

**1.1. Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo:**

- Tổng nguồn vốn thực hiện năm 2019: .....
- Phân bổ theo các chương trình cho vay: .....
- Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay:.....

**1.2. Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế:**

- Số đối tượng được cấp thẻ BHYT: .....; trong đó:
  - + Đối tượng thuộc hộ nghèo: ..... thẻ;
  - + Đối tượng thuộc hộ cận nghèo: ..... thẻ; Trong đó: Cận nghèo theo Quyết định 705/QĐ-TTg: ..... thẻ; Cận nghèo Norred là ..... thẻ;
  - + Đối tượng người DTTS là ..... thẻ.
- Hiệu quả sử dụng thẻ BHYT trong khám chữa bệnh của các đối tượng nêu trên.

**1.3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:**

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ thể:

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập:..... học sinh, số tiền:.....
- Số học sinh được miễn giảm, cấp bù học phí:.....cho học sinh, số tiền:.....
- Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

**1.4. Chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo:**

- Số người nghèo, cận nghèo, người DTTS được tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí:.....
- Hiệu quả của chính sách trợ giúp pháp lý: .....

**1.5. Chính sách hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo:**

- Số người nghèo được hỗ trợ tiền điện .....
- Tổng số tiền hỗ trợ ..... triệu đồng.

**1.6. Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở:**

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg.

**1.7. Chính sách hỗ trợ về thông tin và truyền thông:**

- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền.....
- Số hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ đầu tư truyền hình số.....
- Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

**1.8. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

- Việc rà soát nhu cầu của các hộ thụ hưởng chính sách theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg.

- Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ: .....triệu đồng, trong đó:

+ Số khẩu đăng ký nhận hỗ trợ bằng hiện vật ..... triệu đồng; kinh phí

.....  
+ Số khẩu đăng ký nhận hỗ trợ bằng tiền mặt .....; kinh phí .....

- Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

**1.9. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo:**

- Số dự án được giao thực hiện.....; nguồn vốn thực hiện .....

(cụ thể theo từng dự án);

Trong đó: + Ngân sách trung ương: .....

+ Ngân sách tỉnh: .....

+ Ngân sách xã: .....

+ Kinh phí do các hộ dân tham gia dự án đóng góp:.....

- Tiến độ và kết quả thực hiện:

- Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

**1.10. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt:**

- Số hộ được hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề, tổng kinh phí hỗ trợ.....

- Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, tổng kinh phí hỗ trợ.....

- Số công trình nước sinh hoạt tập trung, tổng mức đầu tư, số hộ được hưởng lợi từ công trình.....

- Đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

**1.11. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các xã đặc biệt khó khăn và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực 2:**

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng: Số công trình, tổng nguồn vốn đầu tư của nhà nước, nguồn vốn nhân dân đóng góp, số hộ được hưởng lợi, hiệu quả sử dụng.....

- Kinh phí sự nghiệp duy tu sửa chữa: .....

- Đánh giá hiệu quả thực hiện dự án.

**1.12. Đề án hỗ trợ 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang theo Quyết định 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh:**

- Tên công trình, tổng mức đầu tư, số hộ hưởng lợi từ đề án, hiệu quả sử dụng.....

- Đánh giá hiệu quả thực hiện đề án.

**2. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Số cuộc kiểm tra, giám sát về thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo.....

- Những tồn tại, sai phạm được phát hiện qua kiểm tra, giám sát; Kết quả xử lý những tồn tại, sai phạm.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

2. Những hạn chế, vướng mắc
3. Nguyên nhân

#### **IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đối với TU, Tỉnh
2. Đối với UBND huyện.

*Lưu ý:* Các xã, thị trấn tổng hợp kèm theo báo cáo các biểu mẫu (kèm theo đề cương) để phục vụ công tác kiểm tra, giám, đánh giá của Đoàn kiểm tra, giám sát theo kế hoạch.

Mẫu Biên bản kiểm tra

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Căn cứ Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2/2019 của UBND huyện về Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2019, Đoàn kiểm tra của UBND huyện tiến hành kiểm tra trên địa bàn xã.....

**I. Thành phần Đoàn kiểm tra**

1. Ông (bà) .....Trưởng đoàn.
2. Ông (bà).....Phó trưởng đoàn.
3. Ông (bà)..... thành viên.

**II. Thành phần xã.....**

1. Ông .....Chức vụ;
2. Ông.....Chức vụ;
3. Ông (bà).....

**NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA**

**1. Nội dung kiểm tra**

- Công tác xây dựng kế hoạch, các văn bản triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững của địa phương năm 2019.
- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình của địa phương.
- Kết quả thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo năm 2019.
- Đánh giá những ưu điểm; hạn chế; những khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; giải pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế trong thời gian tới.
- Kiểm tra thực tế tại một số hộ, thôn thực hiện Dự án.
- Ghi nhận kiến nghị, đề xuất của các địa phương được kiểm tra.

**2. Kết quả kiểm tra**

**2.1.** Công tác xây dựng kế hoạch, các văn bản triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững của địa phương năm 2019.

**2.2.** Kết quả thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo khác năm 2018.

**a. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung.**

- + Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo:
- + Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế:
- + Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:
- + Chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo:
- + Chính sách hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo:
- + Chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở:



- + Chính sách hỗ trợ về thông tin và truyền thông:
- + Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:
- + Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo:
  - + Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt:
  - + Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các xã đặc biệt khó khăn và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực 2:
  - + Đề án hỗ trợ 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang theo Quyết định 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh:

**b. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo khác**

**2.3. Những kiến nghị, đề xuất**

Biên bản được lập và kết thúc vào hồi.... giờ.... phút cùng ngày, biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau (mỗi bên giữ 01 bản); nội dung biên bản đã được thông qua và thống nhất đại diện các bên ký xác nhận./.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO XÃ**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**